

# Việc làm và đời sống của người lao động theo thời vụ từ nông thôn ra Hà Nội

*(Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội  
và xã Xuân Thượng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định)*

NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ

Trong những năm gần đây quá trình đô thị hóa diễn ra với tốc độ nhanh chóng, vấn đề người lao động từ khu vực nông thôn ra các đô thị và các trung tâm công nghiệp, các thành phố lớn tìm việc làm ngày càng tăng. Trong phạm vi cả nước tính từ 1990 - 1997 con số này lên tới 1,2 triệu đến 1,5 triệu người. Riêng đối với thủ đô Hà Nội - trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của cả nước, thì hàng năm phải tiếp nhận hàng ngàn lượt lao động từ khu vực nông thôn đến để tìm công ăn việc làm. Có nhiều nguyên nhân thúc đẩy nhiều nam, nữ nông thôn rời quê lên Hà Nội lao động theo hình thức không thoát ly hoàn toàn công việc ở nông thôn. Bài viết này xin đề cập đến một số nội dung liên quan đến vấn đề việc làm và đời sống của nam, nữ nông thôn lao động theo thời vụ tại Hà Nội, được rút ra từ kết quả nghiên cứu định tính với quy mô nhỏ tại Hà Nội và xã Xuân Thượng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, được tiến hành năm 2000 - 2001. Nghiên cứu được tiếp cận theo phương pháp mô tả thực trạng, vận dụng quan điểm giới và phát triển trong quá trình thực hiện, xem xét mối tương quan giữa nam và nữ trong mối quan tâm và bối cảnh chung của vấn đề di chuyển lao động nông thôn - thành thị nhằm tìm hiểu sâu các vấn đề liên quan để có những can thiệp phù hợp cho từng giới.

## **1. Nghề của lao động nam, nữ tại Hà Nội tương tự nhau, đơn giản, phổ thông và sử dụng lao động cơ bắp là chính.**

Lao động nam và nữ làm việc tại 3 nhóm nghề chính là: bán hàng rong, thu gom phế liệu và lao động tự do. Trong đó nhóm lao động tự do có nhiều loại công việc khác nhau với tính chất, mức độ khác nhau và ít nhiều có quan hệ chủ thợ. Xuất phát từ thực tế trình độ học vấn của những lao động này chủ yếu là cấp 2 và tính chất di chuyển theo phong trào cả làng, xã cùng đi nên cả 3 nhóm nghề mà người lao động lựa chọn đều không đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật, không cần nhiều vốn và các trang thiết bị phục vụ lao động phức tạp, chỉ cần có sức khỏe, chịu khó tích lũy kinh nghiệm là có thể làm tốt và có thu nhập. Cả 3 nhóm nghề trên đều giúp người lao động tự định đoạt việc sử dụng thời gian trong ngày, trong tuần và trong tháng để có thể đi về quê bất cứ lúc nào.

Cùng một nhóm nghề nhưng giữa nam và nữ không hoàn toàn giống nhau về cách thức thực hiện. Nam giới do sức khỏe tốt hơn thường chọn những công việc nặng nhọc, phải đi xa, còn phụ nữ thì chọn việc nhẹ nhàng hơn: như trong nhóm bán hàng rong, phụ nữ chỉ bán những mặt hàng nhựa, quần áo, đồ dùng gia đình hoặc hoa quả còn nam giới bán những mặt hàng phải mang vác nặng hơn và phải sử dụng đến các phương tiện trợ giúp như xe đạp, loa đài để bán báo, bán dưa, bán đồ sứ, v.v...; trong nhóm thu gom phế liệu nếu nam giới thường chọn ít mặt hàng phế liệu có giá trị để mua và họ sử dụng bằng xe đạp đến các ngõ phố thì phụ nữ lại chọn đôi quang gánh mua tất cả các mặt hàng có thể và họ có thể đi bộ từ ngày này sang ngày khác; trong nhóm lao động tự do, phụ nữ chỉ làm duy nhất loại công việc gánh hàng thuê với thu nhập trung bình 20.000 đồng/ngày trong khi nam giới lại làm những công việc khác nặng hơn với thu nhập trung bình 30.000 đồng - 40.000 đồng/ngày. Trong nhóm lao động này tuy có ít nhiều mối quan hệ chủ thợ nhưng không ai có hợp đồng lao động, họ đều chấp nhận mức độ rủi ro rất cao khi thực hiện các công việc, nghĩa là người lao động chỉ nhìn được cái lợi trước mắt mà không thấy được cái lợi lâu dài liên quan đến cả tính mạng bản thân và gia đình.

Nói chung, mỗi người tự quyết định phương thức và các trang thiết bị phụ giúp để hoàn thành công việc có thu nhập trong ngày, nhưng có một điểm chung cho cả hai giới là họ đều làm những công việc theo những người đi trước đã làm, nghĩa là nghề nghiệp mà họ lựa chọn phù hợp với phương thức di chuyển theo phong trào từ quê hương. Hầu hết trong số họ đã xác định công việc sẽ làm trước khi lên Hà Nội, chỉ có một số ít người sau khi lên Hà Nội mới tìm việc do được người khác chỉ dẫn hoặc chuyển lại khi họ không tiếp tục làm nữa. Điều này chứng tỏ người lao động không mấy khó khăn khi hội nhập vào thị trường lao động của Hà Nội. Lao động nữ ít phải chờ việc hơn lao động nam do họ đã chắc chắn công việc trước khi quyết định đi.

Xu hướng chuyển đổi nghề ít xảy ra trong các nhóm bán hàng rong và thu gom phế liệu. Nam giới nhóm lao động tự do có mong muốn thay đổi nghề nhiều hơn phụ nữ cùng nhóm nghề vì sức khỏe của họ tốt hơn nữ và mong muốn bộc lộ tính năng động, xông xáo, muốn thử nghiệm những công việc mới cũng cao hơn nữ, nhưng những nghề mà họ mong muốn thay đổi cũng thường là những nghề có tính chất đơn giản. Phụ nữ trong nhóm này không muốn thay đổi nghề, họ bằng lòng với công việc hiện tại cho dù có vất vả nhưng phù hợp với trình độ, năng lực của họ. Nhưng thực chất trong tâm tư của một số phụ nữ cũng có mong muốn đổi nghề nhưng họ không dám quyết định vì không tự tin khi làm nghề khác và điều quan trọng là sợ thu nhập bị giảm đi *“muốn thay đổi nghề khác nhưng sợ được ít tiền hơn nên không dám làm”* (Nữ lao động tự do, 46 tuổi, quê ở Song Mai, Kim Động, Hưng Yên).

Người lao động làm việc trong điều kiện cường độ cao, thời gian lao động trong ngày trung bình 9 - 10 giờ, cá biệt có người không tính được thời gian, họ làm cả ngày lẫn đêm nếu có công việc. Người bắt đầu công việc sớm nhất là 3 - 4 giờ sáng, người muộn nhất là 7 - 8 giờ tùy thuộc vào từng nhóm nghề và công việc mà họ làm. Dù làm nghề nào thì tính chất “đi rong” cũng thể hiện rất rõ và là chủ yếu. Nam giới thường đi bằng xe đạp, người nhiều nhất là 15 km/ngày, thấp nhất là 6 km/ngày.

Nếu chỉ nhìn vào những con số này thì rõ ràng cường độ lao động của nam cao hơn nữ nhưng thực chất nữ vất vả hơn nam rất nhiều vì họ phải tiêu tốn nhiều năng lượng hơn cho công việc đi bộ của mình.

Có rất nhiều lý do để người lao động chọn nghề hiện tại nhưng lý do cơ bản mà cả nam, nữ đều lựa chọn là *“làm theo công việc mà người đi trước đã làm”* (ý kiến nam cao hơn ý kiến nữ). Đối với mỗi giới còn có các lý do khác như lao động nam *“đã làm công việc khác nhưng không thành công do vất vả, thu nhập thấp, bấp bênh”* còn phụ nữ thì *“không dám làm nghề khác vì sợ thu nhập thấp, mất nhiều thời gian và không có người hướng dẫn”*. Những lý do thuộc về bản thân người lao động như *không có trình độ hoặc có nhưng trình độ thấp* chiếm tỉ lệ không đáng kể ở cả nam và nữ. Lý do *không có sức khỏe để phù hợp với nghề khác* chỉ có ở lao động nữ và *không có năng khiếu để làm nghề khác* chỉ có ở lao động nam. Ngoài ra, nam giới trong nhóm lao động tự do còn *“chọn nghề này vì là nghề làm đến đâu có tiền đến đấy, là nghề đơn giản nhất, không cầu kỳ, không phải bỏ nhiều vốn, không muốn phụ thuộc nhiều vào người khác - có quan hệ chủ thợ nhưng phụ thuộc ngắn chứ không dài hạn, là nghề nặng nhọc nên phụ nữ ít làm và cần có sức khỏe”* (Nam lao động tự do, 32 tuổi, quê ở Xuân Thượng, Xuân Trường, Nam Định).

Điều đáng chú ý là hầu hết nam, nữ lao động trước khi quyết định làm loại công việc chính đang làm, họ đã từng làm những công việc của nhóm khác như đập xích lô, trồng cây thuê ở ngoại thành, bán bánh mì, v.v... nhưng không có hiệu quả. Cũng có một số người đi làm những công việc trước đó có thu nhập khá nhưng lại thấy công việc đó quá vất vả hoặc bị ràng buộc bởi nhiều quy định, bị cấm, bị phạt một vài lần nên chán nản dẫn đến xu hướng chọn loại nghề nào thật đơn giản, ổn định và không gò bó về thời gian miễn là có thu nhập đủ chi tiêu cá nhân và gửi về cho gia đình là được: *“Trước khi làm công việc này, tôi đã đập xích lô khoảng 5 tháng nhưng sau đó phải bỏ nghề vì phức tạp, thường bị khách không trả tiền, công an cấm và nếu bị bắt thì phạt tiền, mùa hè phải đi suốt ngày trên đường nắng và mệt”* (Nam lao động tự do, 32 tuổi, quê ở Xuân Thượng, Xuân Trường, Nam Định); hoặc *“Năm 1999 khi Nhà nước trồng cây trên đồi, có chị cùng nhà trọ có người quen rủ thì cả nhà trọ bọn em ra đấy làm, mỗi ngày người ta trả 14.000 đồng. Làm như vậy ổn định hơn so với đi chợ nhưng công việc chỉ có một thời gian là hết. Không dám đi buôn vì mình vụng, không khôn ngoan sắc sảo, còn gánh thế này thì chả cần ai chỉ bảo, nhìn một lần là biết làm, với lại mình cũng không làm thường xuyên được”* (Nữ lao động tự do, 45 tuổi, quê ở Bãi Sậy, Ân Thi, Hưng Yên).

Vì công việc đơn giản, phổ thông và sử dụng bằng sức lực là chính nên việc đào tạo nghề được thực hiện theo hình thức vừa học vừa làm. Tuy không bài bản nhưng hầu hết lao động nam, nữ đều có thời gian học việc từ người đi trước ít nhất là 2 ngày, nhiều nhất là 2 tháng tùy thuộc vào từng nghề. Giữa nam và nữ không khác nhau nhiều về thời gian học việc nhưng giữa các nghề thì có khác: nghề thu gom phế liệu có thời gian học việc lâu nhất vì đa dạng các mặt hàng với nhiều loại giá khác nhau và quan trọng nhất là phải phân biệt được hàng tốt, xấu để biết hướng định giá bảo đảm “có lãi” chứ không bị “lỗ vốn”.

Người lao động học việc bằng hình thức hướng dẫn nhau, cho làm cùng, mua bán chung sau đó chia đôi khoản thu nhập có được trong ngày. Phần lớn người lao động học từ người thân trong gia đình hoặc họ hàng đã lên Hà Nội lao động trước đó. Những người có thời gian học việc ít chủ yếu là hỏi bạn bè cách thức rồi từ mày mò lâu dần thành quen việc, nhưng số này không đáng kể.

Theo đánh giá của hầu hết người lao động thì công việc hiện tại so với sức khỏe là quá vất vả và tương đương về mức độ vất vả của công việc ở quê, nhưng họ vẫn phải cố làm. Phụ nữ thấy vất vả hơn nam giới vì “*mùa hè nóng bức, mùa đông giá lạnh vẫn phải đi bộ nhiều*” (Nữ lao động tự do, thu gom phế liệu, 32 tuổi, quê ở Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định). Cũng có một số người được hỏi cho rằng công việc ở Hà Nội nhàn hơn ở quê vì mỗi buổi tối được nghỉ ngơi không phải làm nhiều công việc vặt không tên trong gia đình.

Trong điều kiện có nhiều người cùng làm một nghề nhưng hầu hết người lao động đều không có biện pháp gì để duy trì công việc và họ cũng không biết làm thế nào để có thể duy trì tốt được công việc. Nhìn chung cả nam và nữ đều ít đề cập đến vấn đề này, chỉ riêng một số lao động nữ làm nghề thu gom phế liệu thì xác định nghề họ làm là “may rủi” tựa như người đi câu cá, khách hàng gọi ai thì người đó mua, người nào “có duyên” thì được nhiều và ngược lại, nên có ngày có người không kiếm được đồng nào. Còn nam giới trong nhóm này thì không có ý kiến gì.

Trong quá trình lao động, nam nữ đều nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của những người cùng hoàn cảnh bằng nhiều hình thức như cho vay thêm tiền; giúp đỡ khi ốm đau và chia sẻ công việc khi được người khác thuê.

## **2. Cả nam và nữ đều không chỉ làm một nghề cố định mà còn làm thêm bất cứ công việc gì có thể tạo ra thu nhập**

Mỗi người lao động dù là nam hay nữ đều không chỉ đơn thuần làm một loại công việc chính đã lựa chọn, một trong những mục đích đến Hà Nội lao động là tìm kế mưu sinh nên để kiếm được nhiều tiền, cùng một lúc họ làm nhiều công việc khác nhau. Đối với họ, bất cứ công việc gì có thu nhập thì khó khăn, vất vả đến mấy hoặc độc hại và ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe họ cũng sẵn sàng làm, thậm chí họ biết các quy định cấm liên quan đến các công việc mình làm nhưng họ vẫn vi phạm “*vì như thế mới bán được hàng*” (Nam lao động tự do, bán tào phớ và phụ xây dựng, 45 tuổi, quê ở Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nam Định). Hai nhóm nghề bán hàng rong và thu gom phế liệu tìm việc làm thêm dễ dàng hơn nhóm lao động tự do bởi những công việc mà các nhóm này nhận làm thêm chính là những công việc chính của nhóm lao động tự do.

Các công việc mà người lao động làm thêm đều có quan hệ chủ thợ nhưng không có hợp đồng. Phần đông người lao động khẳng định mối quan hệ này tốt hay xấu phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó đặc biệt là sự cảm thông giữa hai bên và tính chất của loại công việc được thuê. Nếu công việc mà chất lượng đặt lên hàng đầu thì người lao động được quan tâm hơn trong và sau quá trình làm việc, có thể nhận được số tiền nhiều hơn đã thỏa thuận hoặc được bồi dưỡng bằng vật chất như

hoa quả, thuốc lá, v.v.... Ngược lại, cũng có những người chủ có thái độ coi khinh người lao động, ép giá công, bắt làm thêm công việc hoặc quỵt tiền sau khi công việc đã được hoàn thành, v.v...

Tính chất của các công việc làm thuê rất đa dạng nhưng nhìn chung nặng nhọc, độc hại, vất vả hơn so với sức lao động của họ bỏ ra. Thù lao mỗi lao động nhận được từ công việc này trung bình khoảng 20.000 - 25.000 đồng/ngày tùy thuộc từng loại công việc và sự thỏa thuận giữa hai bên.

Việc sắp xếp thời gian để có thể cùng thực hiện tốt các công việc khác nhau giữa các nhóm nghề không giống nhau và cũng không giống nhau giữa nam và nữ trong cùng nhóm: nhóm nghề thu gom phế liệu có nhiều điều kiện thuận lợi nhất, người lao động có thể tranh thủ khoảng thời gian chưa mua được hàng để làm thêm công việc khác. Nam giới chỉ làm thêm những việc thu dọn, phụ giúp những nơi có công trình xây dựng, gánh hoặc mang vác thuê còn những công việc mà phụ nữ làm thường là dọn dẹp nhà cửa, giặt quần áo, dọn dẹp vệ sinh và một số công việc linh tinh khác; nhóm bán hàng rong gặp nhiều khó khăn hơn, trong đó nữ khó khăn nhiều hơn nam vì những mặt hàng nữ bán thường là hoa quả hoặc thực phẩm tươi sống cần tiêu thụ hết trong ngày nên khi làm công việc phụ thì công việc chính thường phải chậm lại, thậm chí nếu thấy công việc phụ kiếm được nhiều hơn thì tạm nghỉ bán hàng một vài hôm để làm vì không thể cùng làm cả hai được, người lao động cho rằng nếu "tham bát" thì sẽ "bỏ mâm" nên nhiều khi nhìn thấy việc kiếm ra tiền mà không thể bỏ bán hàng được. Nhưng nam giới thì dễ dàng hơn vì những mặt hàng họ bán gồm đồ sứ, dây lưng, ví da... có thể để lại không sợ hỏng. Riêng nhóm lao động tự do thì ngược lại, lao động nữ dễ dàng hơn lao động nam vì nữ thường gánh hàng thuê nên không gò bó về thời gian có thể làm thêm những công việc khác như dọn dẹp nhà cửa, công trình... còn nam do đảm nhận những công việc chính có thời gian dài hơn nên không dễ sắp xếp thời gian cho công việc khác.

### **3. Cùng một nhóm nghề nhưng thu nhập của nam cao hơn nữ, do chi tiêu cá nhân của nam cao hơn nên số tiền gửi về gia đình của nam và nữ tương đương nhau**

Thu nhập của mỗi nghề không giống nhau và chủ yếu là bấp bênh, ngày nhiều, ngày ít, thậm chí có ngày không có thu nhập. Dù ở bất cứ nhóm nghề nào thì thu nhập của lao động nam vẫn cao hơn nữ vì họ có sự hỗ trợ của phương tiện đi lại. Mỗi ngày lao động, phụ nữ thu nhập trung bình thấp nhất 10.000 đồng, cao nhất 40.000 đồng (nhưng số phụ nữ có thu nhập 40.000 đồng không đáng kể), còn nam giới thì thu nhập trung bình thấp nhất là 7.000 đồng (không có nhiều người có mức thu nhập này), cao nhất là 50.000 đồng. Đây là khoản thu bằng tiền mặt tương đối lớn với người lao động so với thu nhập ở quê. Sự chênh lệch về thu nhập giữa nam và nữ rõ nhất ở nhóm lao động tự do. Trong những gia đình cả hai vợ chồng ở Hà Nội thì tùy theo nghề mà mỗi người có thu nhập khác nhau. Chị Định 32 tuổi thu gom phế liệu còn chồng chị phụ xây dựng thì thu nhập của chồng cao hơn vợ (thu nhập của vợ 300.000 đồng/tháng, thu nhập của chồng là 400.000 đồng/tháng), còn anh Thượng 25 tuổi cả hai vợ chồng cùng



thu gom phế liệu thì tính ra cả hai vợ chồng thu nhập như nhau.

Chi phí trung bình cho các nhu cầu cá nhân (gồm tiền nhà trọ, tiền ăn, và chi phí khác) của lao động nam khoảng 150.000 đồng-200.000 đồng/tháng, cá biệt có những người chi phí lên tới 350.000 đồng/tháng còn của phụ nữ thì trung bình 100-150.000 đồng/tháng, người chi cao nhất là 250.000 đồng/tháng. Có thể nói, chi tiêu cho cá nhân của nam cao hơn nữ từ 1.3-1,4 lần kể cả những trường hợp cá biệt vì theo anh Tr., 26 tuổi, lao động tự do thì *"ngoài tiền trọ và ăn uống nam còn chi tiền thuốc lá, xà phòng... đôi khi còn uống thêm cốc bia vì quá mệt"*.

Số tiền mà lao động nam và nữ thu được trong tháng phụ thuộc vào số ngày lao động thực tế mà họ đã làm. Tổng số tiền người lao động gửi về gia đình thấp nhất là 200.000-250.000 đồng/tháng, nhiều khoảng 500.000 đồng/tháng, cá biệt có một số gửi từ 600-700.000 đồng/tháng, nhưng không đều giữa các tháng.

Người lao động tự quản lý tiền nếu chưa gửi về cho gia đình. Một số nam và nữ để tránh rủi ro xảy ra khi mang tiền theo người nên đã gửi lại chủ trọ đến khi nào về thì lấy. Trường hợp cả hai vợ chồng cùng ở Hà Nội thì dù ở cùng hay không ở cùng, người vợ vẫn là người quản lý tiền. Không một ai gửi tiền tích lũy được vào ngân hàng, hoặc các hình thức tiết kiệm khác như quỹ tín dụng và tiết kiệm bưu điện...

Nhìn chung thu nhập tại Hà Nội được người lao động đánh giá là cao hơn rất nhiều so với lao động ở quê (dao động từ 2-4 lần, cá biệt có người khẳng định cao gấp 7-10 lần *"thu nhập 1 tháng ở Hà Nội bằng cả vụ thóc ở nhà mất 6, 7 tháng vất vả. Ở quê nếu làm thuê công nhật cũng chỉ 17.000 đồng/ngày, làm việc ở Hà Nội tự do, mình tự nghĩ, tự làm, dễ tìm việc, dễ kiếm tiền mặt"*(Nam lao động tự do, 34 tuổi, quê ở Xuân Ngọc, Xuân Trường, Nam Định); *"thu nhập từ các công việc ở đây khá hơn ở nông thôn vì quê chỉ có thóc nhưng lại rất rẻ, chi phí làm ruộng lớn, cấy 6 tháng được mấy tạ thóc chỉ đủ ăn còn lên Hà Nội, 3 tháng có thu nhập bằng 6 tháng cấy 2 sào ruộng ở nhà"*(Nữ lao động tự do, 32 tuổi, quê ở Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định). Bởi vậy, cũng có lúc thu nhập ở Hà Nội không tương xứng với công sức người lao động bỏ ra nhưng lại gấp khoảng 10 lần ở quê nên họ vẫn vui với công việc mình đã lựa chọn.

Có thể nói, thu nhập của một số lao động nam, nữ so với thu nhập của một số cán bộ công chức đang làm việc tại các cơ quan của Trung ương cũng như Hà Nội có thể là tương đương với những người mà bậc lương và ngạch lương thấp, thậm chí có trường hợp cá biệt còn cao hơn những người lao động không được hưởng các phúc lợi xã hội. Tuy vậy do phải chi tiêu tằn tiện nên đã ảnh hưởng đến sức khỏe và khả năng tái tạo sức lao động.

#### **4. Khả năng chuyển đổi vị trí làm việc của người lao động thấp**

Trong số người lao động được hỏi, chỉ có một số nam giới thuộc nhóm nghề thu gom phế liệu có khả năng chuyển đổi từ vị trí từ người lao động sang người chủ cửa hàng. Khi thu gom phế liệu đã thành thạo và có điều kiện, người lao động có thể trở

thành những người chủ cửa hàng hoặc chủ các bãi thu gom phế liệu. Khi nhu cầu tiêu thụ các loại tài sản không còn sử dụng được nữa hoặc được thay thế bằng những tài sản khác có nhiều tính năng, công dụng thuận lợi hơn ngày càng tăng thì cơ hội cho những người lao động thuộc nhóm nghề này trở thành "ông chủ", "bà chủ" càng lớn. Tuy nhiên, do tính năng động và nhạy bén xã hội của nam cao hơn nên xu hướng chuyển đổi vị trí từ người lao động sang người chủ các cửa hàng chỉ có ở nam không thấy ở nữ xu hướng này.

Một lao động nam 25 tuổi cho biết: *"kể từ đầu năm 2001 không đi thu mua nữa mà phụ giúp cho anh trai làm đại lý mua của những người khác. Trước đây thường đi thu mua xa trung bình mỗi ngày khoảng 30 km nhưng hiện nay không phải đi mà chỉ ngồi ở nhà để mua và bán luôn. Các đại lý khác có nhu cầu về mặt hàng nào thì họ cũng tự đến mua. Công việc chính là thu mua của những người đi nhặt và đi rong, sau đó phân loại, tháo bỏ thành nguyên liệu để bán cho các đại lý lớn hơn. Công việc này không phải đi lại nhưng nặng nhọc hơn..."*.

Theo thống kê không chính thức của lãnh đạo xã Xuân Thượng cũng phản ánh: *"người dân của xã đi lao động nơi khác giờ có khoảng 500 đại lý ở Hà Nội và Hải Phòng, sắt đưa vào các lò tại Hà Nội và Thái Nguyên, giấy đưa sang làng Đa Hội (Bắc Ninh). Số tiền đầu tư khoảng 20 triệu. Đại lý mua gom sắt có nhà làm 1 năm thu khoảng 100 triệu đồng"* (Tọa đàm với cán bộ lãnh đạo xã Xuân Thượng, Xuân Trường, Nam Định). Với những phản ánh này chúng tôi tưởng lai số người làm chủ cửa hàng mua bán phế liệu sẽ còn cao hơn.

### **5. Những khó khăn của nam và nữ khi lao động tại Hà Nội.**

Trong khi thực hiện các công việc tại Hà Nội, cả nam và nữ đều gặp phải nhiều khó khăn như ế hàng, bị quỵt tiền, trả công thấp, bị ăn cắp hàng, bị đe dọa, nộp lệ phí cho những người không đảng hoàng, bắt làm thêm giờ, v.v... ngoài ra nam giới còn thường bị cơ quan chức năng như quản lý các chợ, công an giao thông, công an khu vực phạt do lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, mở đài to, hàng công kênh...

Cũng giống như loại nghề mà họ chọn, mỗi nghề có những khó khăn riêng nhưng cách xử lý những khó khăn của họ lại hoàn toàn giống nhau là lựa chọn theo phương châm "tự bảo vệ mình", nhún nhường và chấp nhận thiệt thòi trong một số trường hợp để yên ổn làm ăn "nơi đất khách quê người".

### **6. Sức khỏe và tính cộng đồng của người lao động**

Nam, nữ khi đến Hà Nội thường sống cùng nhà trọ với nhau theo từng nhóm, thông thường những người cùng quê ở chung với nhau tại một nhà trọ vừa để chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và công việc, tránh tình trạng "xây nhà ra thất nghiệp" vừa để quản lý và giám sát lẫn nhau. Điều này đặc biệt có ý nghĩa quan trọng và thiết thực đối với phụ nữ bởi khi sống với những người cùng quê họ có thêm sức mạnh để chống lại nguy cơ bị lôi kéo vào những công việc không chính đáng, đồng thời cũng dễ dàng nhắn gửi và nhận được các thông tin về gia đình ở quê.

Người lao động đều ở ổn định một nơi trọ đầu tiên, cá biệt có một vài trường

hợp phải thay đổi thì đều khẳng định tình trạng chung của các nhà trọ là như nhau thường mang tính chất bình dân nên không được tốt lắm, 10-20 người ở cùng một phòng khoảng 6-10m<sup>2</sup> (nơi rộng rãi thì được 20m<sup>2</sup>) có nơi kê phản, có nơi trải chiếu xuống sàn, v.v..., thông thường là lán dựng thấp và lợp bằng mái prôximăng nên mặc dù có quạt điện nhưng mùa hè vẫn rất nóng bức. Nước sử dụng cho sinh hoạt là nước máy nhưng rất thiếu. Tiền thuê nhà được trả theo tối, trung bình từ 1500-2000 đồng tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng nhà trọ. Một số ít người lao động thuê được nơi ở khá tốt với giá thuê cao hơn.

Trên thực tế do đặc điểm tâm sinh lý của phụ nữ khác nam giới nên nhu cầu về nơi ở sinh hoạt của họ cao hơn nam nhưng phụ nữ phải chấp nhận điều kiện sinh hoạt hiện tại như nam giới nên họ gặp nhiều khó khăn hơn, nhất là khó khăn về thiếu nước sinh hoạt và thiếu các công trình vệ sinh. Sau ngày làm việc người lao động ít được hưởng thụ văn hóa tinh thần, ít tham gia vào các hoạt động chung của khu dân cư nơi ở trọ nên cũng ít có các giao tiếp xã hội, họ chỉ muốn nghỉ ngơi để ngày hôm sau lại tiếp tục các công việc của mình.

Do người lao động thường đi cả ngày, bữa trưa gặp đâu ăn đấy và nghỉ lại ở bất cứ chỗ nào có thể. Buổi tối họ mới quay về nhà trọ tự nấu lấy để tiết kiệm tiền và đặc biệt là do tính toán để có nhiều thu nhập nên người lao động thường gắng sức làm công việc cho xong để nhận tiếp công việc khác là xu hướng chính của cả hai giới dẫn đến sức khỏe dễ bị kiệt quệ. Khi ốm đau nhẹ thì bản thân người lao động tự lo và nghỉ tại nhà trọ, nếu ốm nặng thì nhờ nhau giúp đỡ, trường hợp nặng quá thì về quê. Đây là cách giải quyết của tất cả mọi người được hỏi, tuy không phải là quy định thành văn nhưng mọi người cứ nhìn nhau để thực hiện, một phần vì chi phí cho việc điều trị khi ốm đau ở quê thấp và phần nhiều là tránh phiền phức cho những người đồng nghiệp của mình.

Tính cộng đồng của người lao động thể hiện rất cao, mọi người đều có trách nhiệm và tình cảm với nhau trên mọi lĩnh vực, bảo vệ, giúp đỡ và chia sẻ công việc cho nhau *"nếu muốn ở tốt hơn thì thuê nhà đắt tiền hơn là có ngay chứ không khó, ở vậy cũng tạm được, mình đi suốt ngày, có ở nhiều đâu mà lo, ở đó còn có bạn bè tin cậy vào nhau"* (Nữ lao động tự do, bán hàng rong, 32 tuổi, quê ở Nam Hải, Nam Trực, Nam Định).

### **7. Quan hệ của người lao động với các cơ quan chức năng của địa phương là trực tiếp còn ở Hà Nội chỉ thông qua chủ trọ.**

Những người đang lao động đều quan hệ trực tiếp với các cơ quan chức năng của địa phương về sự vắng mặt của mình. Sự xác nhận của lãnh đạo xã Xuân Thượng là một minh chứng cho sự khẳng định đó: *"người lao động làm giấy tạm vắng 6 tháng/lần, đi về 1-2 tháng đều phải có giấy. Sở dĩ họ chấp hành tốt quy định ở nơi đây vì đây chính là điều kiện được yên ổn nơi trọ tại Hà Nội"*.

Tại Hà Nội, không có sự khác biệt giữa nam và nữ trong mối quan hệ với chính quyền địa phương nơi tạm trú, họ đều chỉ quan hệ gián tiếp thông qua chủ trọ. Kể cả việc khai báo tạm trú với công an cũng hoàn toàn thông qua chủ trọ, người lao



động chỉ cần cung cấp đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định là yên tâm ở và lao động. Đa số người lao động đều có quan hệ bình thường với người dân Hà Nội vì vậy nhiều nam, nữ đã được người dân Hà Nội cho xem nhờ vô tuyến. Để khẳng định điều này, anh H.N., 32 tuổi làm nghề lao động tự do đã nói: "*mối quan hệ với người dân Hà Nội cũng bình thường, ai thân thiện thì mình thân thiện với họ và ngược lại. Chính quyền địa phương thường hay kiểm tra nhân khẩu nhưng họ không gây khó dễ gì cho mình cả*". Cá biệt có một số người lao động ít tiếp xúc với những gia đình xung quanh nơi trọ vì họ luôn mặc cảm bởi sự khinh miệt về thân phận và nghề nghiệp của mình. Điều này xảy ra ở nữ nhiều hơn nam.

Khi ở trọ tại địa bàn khu dân cư, người lao động chấp hành đầy đủ các chủ trương, các quy định của địa phương như đóng góp tiền an ninh và các khoản khác.

### **8. Các yếu tố quyết định việc di chuyển lao động của nam nữ nông thôn**

Như đã nêu ở phần trên có rất nhiều nguyên nhân khác nhau tác động đến việc di chuyển lao động của nam nữ nông thôn, song tập trung chủ yếu vào một số nguyên nhân cơ bản sau:

- Do thu nhập ở nông thôn thấp, đời sống khó khăn, trong khi đó nhu cầu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao trong một bộ phận nông dân.

- Ruộng đất đã được chia ổn định lâu dài đến hộ gia đình nhưng có thể bị thu hẹp vì các mục đích đô thị hóa, xây dựng các khu công nghiệp...vì vậy không đáp ứng được với tình trạng gia tăng dân số và lao động hàng năm. Mặt khác lao động chính ở nông thôn chủ yếu vẫn là làm ruộng, các nghề phụ khác hầu như không có. Đây là nguyên nhân làm cho thời gian nông nhàn ngày càng nhiều, tuy nhiên đó cũng chỉ là một trong nhiều yếu tố khiến họ phải di chuyển ra Hà Nội kiếm sống.

- Sức lao động được thừa nhận là hàng hóa và cơ chế, chính sách, pháp luật tạo điều kiện cho việc di chuyển lao động, như các quy định trong Nghị quyết số 10/TW năm 1988 của Ban Bí thư Trung ương và các văn bản pháp luật khác như Luật Đất đai, Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp, các chính sách giao đất ổn định và sử dụng đất lâu dài tới hộ gia đình...đã làm cho tính năng động xã hội của nam nữ nông thôn được khơi dậy và phát huy.

- Đồng thời sự thay đổi chính sách quản lý hành chính đã tạo hành lang pháp lý cho sự di chuyển lao động (điều 55, điều 68 Hiến pháp 1992. Điều 5 khoản 1 và điều 13 Bộ Luật Lao động; Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 về đăng ký hộ tịch, đăng ký tạm trú tạm vắng...).

Qua phân tích trên đây có thể nêu một vài nhận xét như sau:

Về cơ bản giữa nam và nữ có nhiều nét tương đồng trong quá trình chọn nghề do điểm xuất phát của họ là giống nhau. Truyền thống và thói quen tiếp tục được duy trì khi đến Hà Nội. Sự thích ứng với môi trường lao động và sinh sống mới hoàn toàn mang tính tạm thời. Sự khác biệt giữa nam và nữ tuy được thể hiện trên một số mặt nhưng đôi khi không rõ ràng.

Việc di chuyển lao động nông thôn - Hà Nội theo hình thức tự do không thoát ly hoàn toàn công việc ở nông thôn đã góp phần cải tiến đáng kể tình hình mọi mặt của gia đình người lao động, phân công lao động theo giới đối với công việc nội trợ và chăm sóc giáo dục con cái có sự thay đổi, không kể người ở lại quê là nam hay nữ đều gánh vác thay người đi vắng. Một số ít phụ nữ lên Hà Nội có xu hướng cải thiện sức khỏe tốt hơn vì ngoài công việc làm ăn họ không phải lo các công việc nhà. Tình cảm gia đình giữa vợ và chồng ít chịu ảnh hưởng mà chỉ mang tính chất xa cách tạm thời. Sự thay đổi về kinh tế của gia đình người lao động đã gián tiếp làm thay đổi diện mạo của địa phương về nhiều mặt như các công trình giao thông, vệ sinh môi trường (nhà tắm, vệ sinh) hiện đại...

Bên cạnh những tác động tích cực, việc di chuyển cũng có những tác động tiêu cực là phụ nữ rời xa gia đình ảnh hưởng nhiều hơn nam giới đến việc chăm sóc giáo dục con cái và tâm sinh lý của trẻ... Đồng thời các hoạt động của địa phương đều phải chọn thời điểm khi người lao động trở về để làm vì vậy trong cùng một thời gian người dân cũng như cán bộ xã phải tham gia nhiều việc khác nhau hoặc cùng thực hiện nhiều nghĩa vụ khác nhau cùng một lúc.

### **9. Một số giải pháp và khuyến nghị**

Trước thực trạng của nhiều nam nữ nông thôn hiện nay chọn xu hướng di chuyển ra Hà Nội và các thành phố lớn tìm công ăn việc làm với mong muốn để có thêm thu nhập, đã gây sức ép về việc làm tại các thành phố này, nguy cơ tệ nạn xã hội phát sinh ảnh hưởng tới trật tự, an ninh... Để giải quyết và ngăn chặn được vấn đề này, đòi hỏi công sức của toàn xã hội, của nhiều ngành, nhiều cấp một cách đồng bộ, từng bước giúp nam nữ nông thôn ổn định việc làm và thu nhập ngay trên mảnh đất của mình theo phương châm “ly nông bất ly hương”.

Trước hết là các giải pháp mang tính chiến lược. Đảng và nhà nước cần tăng cường đầu tư thích đáng cho nông thôn, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế vật nuôi cây trồng gắn với thị trường; tăng cường hệ thống dịch vụ xuất nông nghiệp; khôi phục các làng nghề truyền thống; ban hành các chính sách tiêu thụ nông sản; tháo gỡ khó khăn về thuế về các chính sách đối với kinh tế trang trại; đẩy mạnh xuất khẩu lao động; chương trình 135 cho các xã nghèo; tăng cường hoạt động của các tổ chức xã hội thực hiện cho vay tín dụng và huy động tiết kiệm nội lực để nam nữ tự tạo việc làm. Đồng thời có các cơ chế quản lý di chuyển lao động bằng việc ban hành chính sách và kiểm soát biến động dân số cơ học; xây dựng pháp lệnh về di dân, di chuyển lao động, quy định chặt chẽ điều kiện nhập cư vào các thành phố lớn

Nhằm từng bước giải quyết tình trạng mất trật tự do việc tự do lao động hình thành các tụ điểm lao động, hạn chế tăng dân số cơ học vào thành phố và điều tiết quan hệ cung cầu thị trường sức lao động. Đồng thời khai thác phát huy và sử dụng lực lượng lao động có hiệu quả. Hà Nội đã ban hành quy định tạm thời về sắp xếp lại trật tự và quản lý đối tượng lao động ngoại tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 3189 ngày 26/8/1995 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Tuy nhiên việc thực hiện quy chế này trên thực tế cũng chưa đem lại hiệu quả như mong muốn.

Để giúp người lao động đồng thời cũng giúp cho việc quản lý người lao động ngoại tỉnh được tốt, hạn chế những tác động ảnh hưởng xấu, thiết nghĩ Quận, Huyện nơi người lao động sinh sống tạm thời, cần tiếp tục tạo điều kiện về nơi ăn chốn ở để họ có khả năng tái tạo sức lao động, tăng cường việc kiểm soát phòng chống các tệ nạn xã hội có thể xảy ra. Mặt khác Thành phố cần nghiên cứu bố trí lại và bổ sung thêm các nhà chờ việc cho người lao động một cách hợp lý. Tăng cường tuyên truyền, vận động để người lao động tự giác chấp hành quy định khi đến lao động tại Hà Nội.

Chính quyền xã Xuân Thượng cũng như các xã khác có người đi lao động cần có mối quan hệ hợp tác với Chính quyền và các ban ngành của các xã, phường của Hà Nội trong việc giải quyết hoặc tạo điều kiện cho người lao động trong sinh hoạt và làm việc. Mặt khác, các tổ chức chính trị xã hội, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ cần đẩy mạnh tuyên truyền vận động phụ nữ tạm thời chưa lên Hà Nội lao động khi nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi để đảm bảo cho trẻ em phát triển tốt.

### **Tài liệu tham khảo**

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1992.*
2. *Bộ Luật lao động 1994.*
3. *Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 về đăng ký hộ tịch, đăng ký tạm trú, tạm vắng.*
4. Hà Thị Phương Tiến, Hà Quang Ngọc: *Lao động nữ di cư tự do nông thôn - thành thị.* Nhà xuất bản Phụ nữ. Hà Nội - 2000.
5. Tham luận tại hội thảo "*Lao động và việc làm của phụ nữ nhập cư tự do*" năm 2000 của TS Nguyễn Hữu Dũng, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội: *Một số vấn đề về tình hình lao động nữ di chuyển nhập cư vào các thành phố.*
6. Tham luận tại hội thảo "*Lao động và việc làm của phụ nữ nhập cư tự do*" năm 2000 của tác giả Nguyễn Thị Châu Long, Sở Lao động - Thương binh và xã hội thành phố Hà Nội: *Vấn đề việc làm của lao động nhập cư vào tại thành phố Hà Nội, thực trạng và giải pháp.*